

CHƯƠNG 1: BẢN CHẤT VÀ VAI TRÒ CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Nội dung:
TH: 4h)

Thời gian: 9h (LT: 5h,

1. Thị trường chứng khoán

Thời gian: 1.5h

1.1. Khái niệm về chứng khoán

Chứng khoán là chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ, xác nhận các quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu chứng khoán đối với tài sản hoặc vốn của tổ chức phát hành, bao gồm: cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư và một số loại khác như quyền mua cổ phiếu mới, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền lựa chọn.

Chứng khoán là hàng hoá trên thị trường chứng khoán

1.2. Khái niệm thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán là một thị trường mà ở nơi đó người ta mua bán, chuyển nhượng, trao đổi chứng khoán nhằm mục đích kiếm lời. Tuy nhiên, đó có thể là TTCK tập trung hoặc phi tập trung. Tính tập trung ở đây là muốn nói đến việc các giao dịch được tổ chức tập trung theo một địa điểm vật chất.

Hình thái điển hình của TTCK tập trung là Sở giao dịch chứng khoán (Stock exchange). Tại Sở giao dịch chứng khoán (SGDCK), các giao dịch được tập trung tại một địa điểm; các lệnh được chuyển tới sàn giao dịch và tham gia vào quá trình ghép lệnh để hình thành nên giá giao dịch.

TTCK phi tập trung còn gọi là thị trường OTC (over the counter). Trên thị trường OTC, các giao dịch được tiến hành qua mạng lưới các công ty chứng khoán phân tán trên khắp quốc gia và được nối với nhau bằng mạng điện tử. Giá trên thị trường này được hình thành theo phương thức thoả thuận.

1.3. Cơ chế điều hành và giám sát thị trường chứng khoán

1.4. Các thành phần tham gia trên thị trường chứng khoán

1.4.1. Nhà phát hành:

Là các tổ chức thực hiện huy động vốn thông qua TTCK dưới hình thức phát hành các chứng khoán.

1.4.2. Nhà đầu tư:

Là những người thực sự mua và bán chứng khoán trên TTCK. Nhà đầu tư có thể được chia thành 2 loại:

- Nhà đầu tư cá nhân: là những người có vốn nhàn rỗi tạm thời, tham gia mua bán trên TTCK với mục đích kiếm lời.

- Nhà đầu tư có tổ chức: là các định chế đầu tư thường xuyên mua bán chứng khoán với số lượng lớn trên thị trường.

Các định chế này có thể tồn tại dưới các hình thức sau: công ty đầu tư, công ty bảo hiểm, Quỹ lương hưu, công ty tài chính, ngân hàng thương mại và các công ty chứng khoán.

1.4.3. Các công ty chứng khoán:

Là những công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, có thể đảm nhận một hoặc nhiều trong số các nghiệp vụ chính là môi giới, quản lý quỹ đầu tư, bảo lãnh phát hành, tư vấn đầu tư chứng khoán và tự doanh.

1.4.4. Các tổ chức có liên quan đến TTCK:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước: là cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với TTCK ở Việt nam.

- Sở giao dịch chứng khoán: là cơ quan thực hiện vận hành thị trường và ban hành những quyết định điều chỉnh các hoạt động giao dịch chứng khoán trên Sở phù hợp với các quy định của luật pháp và UBCK.

- Công ty dịch vụ máy tính chứng khoán: là tổ chức phụ trợ, phục vụ các giao dịch chứng khoán.

- Công ty đánh giá hệ số tín nhiệm: là công ty chuyên cung cấp dịch vụ đánh giá năng lực thanh toán các khoản vốn gốc và lãi đúng thời hạn và theo những điều khoản đã cam kết của công ty phát hành đối với một đợt phát hành cụ thể.

1.5. Cơ cấu thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán (The Securities Market) là một bộ phận của thị trường vốn (Capital Market).

Thị trường chứng khoán (The Securities Market) là thị trường mà ở đó các giấy nợ trung và dài hạn (chứng khoán có thời hạn trên 1 năm) và các cổ phiếu được mua bán.

Như vậy, thị trường chứng khoán là thị trường tạo lập và cung ứng thị trường dài hạn cho nền kinh tế.

Các công cụ của thị trường chứng khoán: cổ phiếu, trái phiếu chính phủ, trái phiếu công ty, trái phiếu chính quyền địa phương.

Các công cụ trên thị trường vốn có thời gian dài (trái phiếu) và vô hạn (cổ phiếu) do đó giá cả của nó dao động rộng hơn so với các công cụ của thị trường tiền tệ. Vì vậy, nó được coi là những chứng khoán có độ rủi ro cao hơn, và vì vậy cơ chế phát hành, lưu thông mua bán chúng được hình thành khá chặt chẽ nhằm hạn chế những biến động và thiệt hại cho nền kinh tế xã hội.

1.6. Quá trình hình thành phát triển thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán ban đầu phát triển một cách tự phát và rất sơ khai, xuất phát từ một sự cần thiết đơn lẻ của buổi ban đầu. Vào giữa thế kỷ 15 ở tại những thành phố trung tâm buôn bán ở phương Tây, các thương gia thường tụ tập tại các quán cà phê để trao đổi việc mua bán trao đổi các vật phẩm hàng hoá. Lúc đầu chỉ một nhóm nhỏ, dần dần sau đó tăng dần và hình thành một khu chợ riêng. Cuối thế kỷ 15, để thuận tiện hơn cho việc làm ăn, khu chợ trở thành "thị trường" với việc họ thống nhất các quy ước và dần dần các quy ước được sửa đổi hoàn chỉnh thành những quy tắc có giá trị bắt buộc chung cho mọi thành viên tham gia "thị trường".

Phiên chợ riêng đầu tiên được diễn ra vào năm 1453 tại một lữ điểm của gia đình Vanber ở Bruges Bỉ, tại đó có một bảng hiệu hình ba túi da với một tiếng Pháp là "Bourse" tức là "mậu dịch thị trường" hay còn gọi là "Sở giao dịch".

Vào năm 1547, thành phố ở Bruges Bỉ mất đi sự phồn thịnh do eo biển Even bị cát lấp nên mậu dịch thị trường ở đây bị sụp đổ và được chuyển qua thị trấn Auvers Bỉ, ở đây thị trường phát triển rất nhanh và giữa thế kỷ 16 một quan chức đại thần của Anh quốc đã đến quan sát và về thiết lập một mậu dịch thị trường tại London Anh, nơi mà sau này được gọi là Sở giao dịch chứng khoán London. Các mậu dịch thị trường khác cũng lần lượt được thành lập tại Pháp, Đức và Bắc Âu.

Sự phát triển của thị trường ngày càng phát triển cả về lượng và chất với số thành viên tham gia đông đảo và nhiều nội dung khác nhau. Vì vậy theo tính chất tự nhiên nó lại được phân ra thành nhiều thị trường khác nhau như: Thị trường giao

dịch hàng hoá, thị trường hối đoái, thị trường giao dịch các hợp đồng tương lai và thị trường chứng khoán... với đặc tính riêng của từng thị trường thuận lợi cho giao dịch của người tham gia trong đó.

Quá trình các giao dịch chứng khoán diễn ra và hình thành như vậy một cách tự phát cũng tương tự ở Pháp, Hà Lan, các nước Bắc Âu, các nước Tây Âu và Bắc Mỹ.

Các phương thức giao dịch ban đầu được diễn ra sơ khai ngay cả khi ở ngoài trời với những ký hiệu giao dịch bằng tay và có thư ký nhận lệnh của khách hàng. Ở Mỹ cho đến năm 1921, khu chợ này được chuyển từ ngoài trời vào trong nhà, Sở giao dịch chứng khoán chính thức được thành lập.

Ngày nay, theo sự phát triển của công nghệ khoa học kỹ thuật, các phương thức giao dịch ở các Sở giao dịch chứng khoán cũng được cải tiến dần theo tốc độ và khối lượng yêu cầu nhằm đem lại hiệu quả và chất lượng cho giao dịch, các Sở giao dịch đã dần dần sử dụng máy vi tính để truyền các lệnh đặt hàng và chuyển dần từ giao dịch thủ công kết hợp với máy vi tính sang sử dụng hoàn toàn hệ thống giao dịch điện tử thay cho thủ công trước kia.

Lịch sử phát triển các thị trường chứng khoán Thế giới trải qua một sự phát triển thăng trầm lúc lên, lúc xuống, vào những năm 1875-1913, thị trường chứng khoán Thế giới phát triển huy hoàng cùng với sự tăng trưởng của nền kinh tế Thế giới lúc đó, nhưng rồi đến "ngày thứ năm đen tối" tức ngày 29/10/1929 đã làm cho thị trường chứng khoán Tây, Bắc Âu và Nhật bản khủng hoảng mất lòng tin. Cho mãi tới chiến tranh thế giới thứ 2 kết thúc, các thị trường chứng khoán cũng hồi phục dần và phát triển mạnh và rồi cho đến năm 1987 một lần nữa đã làm cho các thị trường chứng khoán.

Thế giới điên đảo với "ngày thứ hai đen tối" do hệ thống thanh toán kém cỏi không đảm đương được yêu cầu của giao dịch, sụt giá chứng khoán ghê gớm, mất lòng tin và phản ứng dây chuyền mà hậu quả của nó còn nặng hơn cuộc khủng hoảng năm 1929. Theo quy luật tự nhiên, sau gần hai năm mất lòng tin, thị trường chứng khoán Thế giới lại đi vào giai đoạn ổn định và phát triển đến ngày nay. Cứ mỗi lần khủng hoảng như vậy, giá chứng khoán của tất cả các thị trường chứng khoán trên Thế giới sụt kinh khủng tuy ở mỗi khu vực và mỗi nước ở những mức

độ khác nhau gây ra sự ngừng trệ cho thị trường chứng khoán toàn cầu và cũng ảnh hưởng trực tiếp tới nền kinh tế mỗi nước.

Cho đến nay, phần lớn các nước trên Thế giới đã có khoảng trên 160 Sở giao dịch chứng khoán phân tán khắp các châu lục bao gồm cả các nước trong khu vực Đông nam Á phát triển vào những năm 1960 -1970 vào ở các nước ở Đông Âu như Balan, Hunggari, Séc, Nga, và Châu Á như Trung quốc vào những năm 1980 - đầu năm 1990.

Lịch sử hình thành và phát triển của thị trường chứng khoán trên Thế giới cho thấy thời gian đầu, thị trường hình thành một cách tự phát, đối tượng tham gia chủ yếu là các nhà đầu cơ, dần dần về sau mới có sự tham gia ngày càng đông đảo của công chúng. Khi thị trường bắt đầu xuất hiện sự trục trặc và bất ổn, chính phủ buộc phải can thiệp bằng cách thành lập các cơ quan quản lý nhằm bảo vệ quyền lợi của công chúng đầu tư và sau đó dần dần hệ thống pháp lý cũng bắt đầu được ban hành. Kinh nghiệm đối với những thị trường mới hình thành về sau này cho thấy thị trường sau khi thiết lập chỉ có thể hoạt động có hiệu quả, ổn định và nhanh chóng nếu có sự chuẩn bị chu đáo về mọi mặt về hàng hoá, luật pháp, con người, bộ máy quản lý và đặc biệt sự giám sát và quản lý nghiêm ngặt của Nhà nước.

Song cũng có một số thị trường chứng khoán có sự trục trặc ngay từ ban đầu như thị trường chứng khoán Thái Lan, Indônêsi-a, hoạt động trì trệ một thời gian dài do thiếu hàng hoá và do không được quan tâm đúng mức, thị trường chứng khoán Philippine kém hiệu quả do thiếu sự chỉ đạo và quản lý thống nhất hoạt động của 2 Sở giao dịch chứng khoán Makita và Manila, thị trường chứng khoán Balan, Hungari gặp trục trặc do việc chỉ đạo giá cả quá cao hoặc quá thấp, ...

Có thể nói, Thị trường chứng khoán là một định chế tài chính không thể thiếu được trong đời sống kinh tế của những nước theo cơ chế thị trường và nhất là những nước đang phát triển đang cần thu hút luồng vốn lớn dài hạn cho nền kinh tế quốc dân.

2. Bản chất và đặc điểm của thị trường chứng khoán

Thời gian: 0.5h

2.1. Bản chất

2.2. Đặc điểm

3. Chức năng và vai trò của thị trường chứng khoán

1.5h

Thời gian:

3.1. Chức năng của thị trường chứng khoán

3.1.1. Huy động vốn đầu tư cho nền kinh tế:

Khi các nhà đầu tư mua chứng khoán do các công ty phát hành, số tiền nhàn rỗi của họ được đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh và qua đó góp phần mở rộng sản xuất xã hội. Thông qua TTCK, Chính phủ và chính quyền ở các địa phương cũng huy động được các nguồn vốn cho mục đích sử dụng và đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế, phục vụ các nhu cầu chung của xã hội.

3.1.2. Cung cấp môi trường đầu tư cho công chúng

TTCK cung cấp cho công chúng một môi trường đầu tư lành mạnh với các cơ hội lựa chọn phong phú. Các loại chứng khoán trên thị trường rất khác nhau về tính chất, thời hạn và độ rủi ro, cho phép các nhà đầu tư có thể lựa chọn loại hàng hoá phù hợp với khả năng, mục tiêu và sở thích của mình.

3.1.3. Tạo tính thanh khoản cho các chứng khoán

Nhờ có TTCK các nhà đầu tư có thể chuyển đổi các chứng khoán họ sở hữu thành tiền mặt hoặc các loại chứng khoán khác khi họ muốn. Khả năng thanh khoản là một trong những đặc tính hấp dẫn của chứng khoán đối với người đầu tư. Đây là yếu tố cho thấy tính linh hoạt, an toàn của vốn đầu tư. TTCK hoạt động càng năng động và có hiệu quả thì tính thanh khoản của các chứng khoán giao dịch trên thị trường càng cao.

3.1.4. Đánh giá hoạt động của doanh nghiệp

Thông qua chứng khoán, hoạt động của các doanh nghiệp được phản ánh một cách tổng hợp và chính xác, giúp cho việc đánh giá và so sánh hoạt động của doanh nghiệp được nhanh chóng và thuận tiện, từ đó cũng tạo ra một môi trường cạnh tranh lành mạnh nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, kích thích áp dụng công nghệ mới, cải tiến sản phẩm.

3.1.5. Tạo môi trường giúp Chính phủ thực hiện các chính sách kinh tế vĩ mô

Các chỉ báo của TTCK phản ánh động thái của nền kinh tế một cách nhạy bén và chính xác. Giá các chứng khoán tăng lên cho thấy đầu tư đang mở rộng, nền

kinh tế tăng trưởng; ngược lại giá chứng khoán giảm sẽ cho thấy các dấu hiệu tiêu cực của nền kinh tế. Vì thế, TTCK được gọi là phong vũ biểu của nền kinh tế và là một công cụ quan trọng giúp Chính phủ thực hiện các chính sách kinh tế vĩ mô. Thông qua TTCK, Chính phủ có thể mua và bán trái phiếu Chính phủ để tạo ra nguồn thu bù đắp thâm hụt ngân sách và quản lý lạm phát. Ngoài ra, Chính phủ cũng có thể sử dụng một số chính sách, biện pháp tác động vào TTCK nhằm định hướng đầu tư đảm bảo cho sự phát triển cân đối của nền kinh tế.

3.2. Vai trò của thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán có một số vai trò sau:

- Công cụ đảm bảo thanh khoản cho số tiết kiệm phục vụ đầu tư dài hạn: vai trò của thị trường chứng khoán đảm bảo cho việc nhanh chóng chuyển thành tiền mặt của các chứng khoán có giá. Đây chính là yếu tố quan trọng để thu hút các nhà đầu tư đến với thị trường chứng khoán, với một thị trường chứng khoán hoạt động càng hữu hiệu thì tính thanh khoản càng cao.

- Công cụ đo lường giá trị các tích sản của doanh nghiệp: những thông tin doanh nghiệp cung cấp cho các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán qua các bảng phân tích đánh giá năng lực sản xuất của doanh nghiệp, triển vọng của doanh nghiệp trên thị trường, khả năng sinh lợi của hoạt động sản xuất kinh doanh, xu thế phát triển của doanh nghiệp trong thời kỳ tương lai từ 3 đến 5 năm đã phần nào lượng giá được tích sản của doanh nghiệp một cách khách quan và khoa học.

Mặt khác, với tính chất đặc biệt nhạy bén của thị trường chứng khoán, sự lên xuống giá cả chứng khoán trên thị trường cũng nói lên biến động của giá trị doanh nghiệp tại bất kỳ thời điểm nào.

- Thúc đẩy các doanh nghiệp sử dụng vốn cho sản xuất kinh doanh có hiệu quả: với nguyên tắc hoạt động chủ đạo trên thị trường chứng khoán là công khai, công bằng và trung thực, mọi thông tin về doanh nghiệp đều được công chúng kiểm tra đánh giá. Thị trường chứng khoán vừa tạo điều kiện vừa bắt buộc các doanh nghiệp không những phải hoạt động sản xuất kinh doanh đúng pháp luật mà còn phải hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

- Vai trò chống lạm phát của thị trường chứng khoán: thị trường chứng khoán còn làm giảm áp lực lạm phát. Ngân hàng trung ương với vai trò điều hòa hệ thống tiền tệ sẽ tung ra nhiều trái phiếu kho bạc bán trên thị trường chứng khoán

với lãi suất cao để thu hút bớt số tiền lưu hành, nhờ đó số tiền sẽ giảm bớt và áp lực lạm phát cũng giảm đi.

- Hỗ trợ và thúc đẩy các công ty cổ phần ra đời và phát triển: có thể nói, hai loại định chế tài chính này đối với nhau như hình với bóng. Thật vậy, thị trường chứng khoán là điều kiện không thể thiếu trong việc đưa cổ phiếu ra công chúng giúp cho quá trình phát hành và lưu hành cổ phiếu đạt hiệu quả.

Những đóng góp của thị trường chứng khoán đối với nền kinh tế hiển nhiên là rất to lớn. Hiện nay, hầu hết các quốc gia theo cơ chế thị trường đều có tổ chức thị trường chứng khoán, ngay cả quốc gia đang phát triển cũng hình thành và phát triển thị trường chứng khoán của họ làm công cụ đắc lực trong việc huy động vốn cho đầu tư và tăng trưởng kinh tế.

Tuy nhiên, thị trường chứng khoán được coi là một công cụ cực kỳ nhạy bén và tinh xảo cũng có những mặt trái của nó, những tác động tiêu cực vô cùng nguy hiểm đối với nền tài chính của một nước nếu nó không được điều hành một cách lành mạnh, hợp pháp và đúng qui luật. Có thể kể ra sau đây một số tác động tiêu cực của những hoạt động không lành mạnh của thị trường chứng khoán

4. Những hạn chế (tiêu cực) của thị trường chứng khoán *Thời gian: 1h*

4.1. Đầu cơ chứng khoán

Trên thị trường chứng khoán các nhà đầu tư có quyền ngang bằng nhau trong việc lựa chọn thời cơ mua và bán chứng khoán nhằm đem lại lợi ích cho bản thân họ. Hoạt động đầu tư làm tăng doanh số giao dịch thị trường, tăng tính thanh khoản của chứng khoán. Nhưng nếu những nhà đầu tư cấu kết với nhau để mua hoặc bán chứng khoán với số lượng lớn gây nên cung hay cầu giả tạo làm giá cổ phiếu tăng hay giảm đột biến, lũng đoạn thị trường thì đây là hành vi phạm pháp. Luật pháp các quốc gia khuyến khích đầu tư chứng khoán nhưng lại ngăn cấm mọi hành vi đầu cơ cấu kết với nhau. Nghị định 48CP về chứng khoán và thị trường chứng khoán cũng nghiêm cấm việc đầu cơ chứng khoán và lũng đoạn thị trường. Tổ chức, các nhân không được trực tiếp hoặc gián tiếp tiến hành các hoạt động sau đây:

- Thông đồng với nhau thực hiện việc mua bán một loại chứng khoán nhằm mục đích tạo ra cung cầu giả tạo.

- Giao dịch mua hoặc bán mà không thực hiện việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán
- Liên tục mua chứng khoán với giá cao hoặc liên tục bán chứng khoán với giá thấp
- Mua, bán lại chứng khoán của mình khi chưa được phép của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, nếu là tổ chức phát hành.

4.2. Mua bán nội gián

Là hành vi của những kẻ lợi dụng quyền hành hay sự ưu tiên trong việc nắm giữ các thông tin nội bộ của một công ty phát hành chứng khoán ra thị trường để cố tình mua vào hoặc bán ra cổ phiếu của công ty. Hành vi này đem lại lợi nhuận rất lớn nhưng lại phương hại đến các nhà đầu tư khác trên thị trường. Bởi vì tính chất của thị trường chứng khoán là sân chơi ngang bằng cho mọi nhà đầu tư, nguyên tắc công bằng trong thông tin đại chúng phải được tôn trọng. Luật chứng khoán và Nghị định 48 CP cũng nghiêm cấm mọi hành vi mua bán nội gián.

Tổ chức, cá nhân dưới đây không được trực tiếp hay gián tiếp mua bán chứng khoán trong khi tổ chức phát hành chưa công bố ra công chúng các thông tin hoặc ảnh hưởng đến giá chứng khoán:

- Tổ chức phát hành chứng khoán và người có liên quan.
- Công nhân viên chức của tổ chức phát hành chứng khoán và người có liên quan.
- Cổ đông lớn của tổ chức phát hành chứng khoán và người có liên quan.
- Kiểm toán viên và người có liên quan của tổ chức kiểm toán được chỉ định kiểm toán tổ chức phát hành chứng khoán.
- Cán bộ, công chức Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Trung tâm giao dịch chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán và người có liên quan; cán bộ, công chức các cơ quan khác trực tiếp được tiếp cận với các thông tin nội bộ.

4.3. Bán khống

Là thuật ngữ dùng để chỉ việc các nhà đầu tư bán chứng khoán mà họ chưa có quyền sở hữu. Trong thực tế, việc bán khống đem lại lợi nhuận rất cao cho các nhà đầu tư nếu họ đoán đúng xu hướng của thị trường. Nhưng đây cũng là hành vi

lũng đoạn thị trường tạo ra nhu cầu giả tạo về chứng khoán. Nghị định 48 CP cũng nghiêm cấm hành vi này.

4.4. Thông tin sai sự thật

Là một hành vi thiếu đạo đức nhằm làm cho giá cổ phiếu của công ty khác sụt giảm hoặc giá cổ phiếu của công ty mình được tăng cao do việc phao tin đồn thất thiệt trên thị trường. Người phao tin đồn thất thiệt có thể được hưởng lợi do việc mua giá thấp cổ phiếu của công ty khác sau đó sẽ chờ khi thông tin được kiểm chứng sẽ bán ra với giá cao hơn. Luật chứng khoán của các quốc gia cũng nghiêm cấm hành vi này. Theo Nghị định 48 CP của Việt Nam về thông tin sai sự thật như sau:

- Tổ chức, cá nhân không được công bố, tuyên truyền thông tin sai sự thật.
- Trong thời gian Ủy ban chứng khoán Nhà nước xem xét hồ sơ xin phép phát hành chứng khoán, tổ chức phát hành, tổ chức bảo lãnh phát hành và người có liên quan không được quảng cáo, chào bán hoặc có những hành vi mang tính chất quảng cáo làm cho người đầu tư hiểu sai về chứng khoán dự định phát hành.

5. Mối quan hệ giữa thị trường chứng khoán với tài chính doanh nghiệp

Thời

gian: 0.5h

5.1. Mối quan hệ

5.2. Điều kiện gia nhập thị trường chứng khoán

6. Thực hành

Thời

gian: 4h

Bài thực hành chương 1:

- Trình bày khái niệm chứng khoán và thị trường chứng khoán. Liên hệ những hiểu biết về thị trường chứng khoán ở Việt Nam
- Giải thích bản chất thị trường chứng khoán
- Chứng minh chức năng và vai trò của thị trường chứng khoán
- Mô tả mối quan hệ giữa tài chính doanh nghiệp với thị trường chứng khoán
- Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm về thị trường chứng khoán

CHƯƠNG 2: HÀNG HOÁ VÀ PHÂN LOẠI THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Nội dung:
TH: 6h)

Thời gian: 12h (LT: 6h,

1. Hàng hoá của thị trường chứng khoán

Thời gian: 4h

1.1. Khái quát chung

Chứng khoán được chia làm hai loại chính: cổ phiếu và trái phiếu. Với sự phát triển ngày càng cao của công nghệ chứng khoán và hình thức phát hành, ngày nay khái niệm về chứng khoán đã có sự thay đổi, nó không chỉ là một chứng từ hiện vật dưới hình thức giấy tờ mà còn có thể được thể hiện trên hệ thống điện tử.

1.1.1. Cổ phiếu:

Là một loại chứng từ dưới hình thức giấy tờ hay ghi trên hệ thống điện tử do các công ty cổ phần phát hành xác nhận quyền sở hữu hợp pháp của người có cổ phiếu đối với tài sản của người phát hành.

1.1.2. Trái phiếu:

Trái phiếu là một loại chứng từ chứng nhận quyền đòi nợ gốc và lãi của trái chủ đối với người phát hành, nó có thể dưới hình thức giấy tờ hay được ghi trên hệ thống điện tử do các công ty, tổ chức hay Chính phủ trung ương, địa phương phát hành.

1.1.3. So sánh cổ phiếu và trái phiếu

Một công ty có nhiều cách để huy động vốn, có thể vay vốn ngân hàng hoặc phát hành cổ phiếu hay trái phiếu. Cổ phiếu hay trái phiếu có thể bao gồm nhiều loại khác nhau, tuy nhiên những điểm khác nhau cơ bản giữa cổ phiếu và trái phiếu được phân biệt như sau:

a Xét về phía các nhà đầu tư:

	Cổ phiếu	Trái phiếu
Vốn gốc giá trị ban đầu	Không được đảm bảo Giá cả biến động	Nói chung được đảm bảo
Thứ tự hoàn trả tiền khi Cty bị phá sản	Được hoàn trả sau cùng trong số tài sản còn lại	Được ưu tiên trong các hình thức vay nợ thông thường

Thời điểm hoàn trả vốn gốc	Chỉ khi Cty bị giải thể hoặc phá sản.	Thời điểm hoàn trả được xác định vào lúc phát hành
Quyền tham gia vào quản lý Công ty	Với mỗi cổ phần là một phiếu bầu, cổ đông có thể tham gia vào các quyết định của Cty tại đại hội cổ đông	Trừ khi Cty bị phá sản, không được tham gia vào quản lý Cty

b Xét về phía các nhà kinh doanh:

	Cổ phiếu	Trái phiếu
Vốn gốc	Sau khi phát hành không bị yêu cầu mua lại do đó là khoảng tiền vốn an toàn	Phải chuẩn bị tiền hoàn trả khi trái phiếu đáo hạn
Hoạt động kinh doanh của Công ty	Tiền cổ tức do đại hội cổ đông quyết định. Do vậy, trường hợp hoạt động kinh doanh của Cty không ổn định, không nhất thiết công ty phải chia tiền cổ tức.	Dù việc kinh doanh của Cty như thế nào thì vẫn phải trả lãi và vốn gốc theo các điều kiện được quy định khi phát hành.
Tham gia vào quản lý kinh doanh	Cơ quan ra quyết định cao nhất Cty là đại hội cổ đông. Thông thường có quá nửa số phiếu đồng ý thì quyết định được thông qua.	Trái chủ không được tham gia vào quản lý Cty Trừ trường hợp Cty phá sản, tuy nhiên trên thực tế không thể bỏ qua ý kiến của người giữ trái phiếu.

Theo mức độ giảm dần của khả năng thanh toán và mức độ tăng dần của rủi ro, trật tự các loại chứng khoán được xếp loại như sau:

- Các chứng khoán nợ ngắn hạn tín phiếu kho bạc.
- Trái phiếu chính phủ
- Trái phiếu công ty
- Cổ phiếu ưu đãi
- Cổ phiếu thường.

Xuất phát từ trật tự thanh toán khi doanh nghiệp bị phá sản thì trái phiếu sẽ được xử lý trước. Khi công ty trong quá trình thanh lý thì trật tự thanh toán được xếp như sau:

- Phí giải quyết phá sản, lương công nhân viên.
- Trả thuế
- Thanh toán nợ, trong đó:
 - + Nợ ngắn hạn
 - + Nợ dài hạn
- Cổ đông:

Cổ phiếu ưu đãi

Cổ phiếu thường

1.2. Các loại chứng khoán

1.2.1. Cổ phiếu

Khi một công ty đăng ký phát hành, nó sẽ được trao thẩm quyền phát hành một số cổ phần nhất định. Hầu hết các công ty phát hành có phần ít hơn so với con số đã được giao thẩm quyền nhằm duy trì một lượng chứng khoán nhất định sử dụng trong tương lai.

Các cổ phiếu được phát hành: Là số lượng các chứng khoán thực sự đã được bán ra. Cổ phần chưa được bán ra hoặc chưa được lưu hành gọi là các chứng khoán chưa được phát hành.

Cổ tức là một phần lợi nhuận của công ty chia cho cổ đông tỷ lệ với số cổ phiếu của họ. Cổ tức thường được công bố hàng năm và trả theo quý. Một công ty có thể công bố trả cổ tức bằng tiền mặt, bằng cổ phiếu hay bằng tài sản.

Để phù hợp với tâm lý của người đầu tư, người ta chia cổ phiếu ra một số loại như sau:

a Cổ phiếu thường

Cổ phiếu thường thể hiện quyền sở hữu được bỏ phiếu của một công ty cổ phần. Mỗi cổ phiếu thường thể hiện quyền lợi sở hữu của cổ đông trong công ty. Số lượng cổ phiếu mà cổ đông nắm càng nhiều, quyền lợi sở hữu của anh ta trong công ty càng lớn.

Đôi khi, một công ty cổ phần có thể phát hành phiếu loại cổ phiếu thường khác nhau như loại A và B. Hai loại này có một số điểm khác nhau. Một loại cổ phiếu có thể có quyền bỏ phiếu bầu Hội đồng quản trị còn loại kia thì không. Hoặc khi công ty trả cổ tức cho cổ đông, một loại có thể nhận được cổ tức lớn hơn loại kia. Ngoài ra, nếu công ty bị thanh lý thì một loại có thể nhận được phần tài sản nhiều hơn loại kia.

Các quyền của cổ đông có cổ phiếu thường:

Người sở hữu cổ phiếu thường thông thường được hưởng một số quyền lợi nhất định như sau:

- Quyền bỏ phiếu bầu HĐQT.
- Quyền nhận cổ tức theo công bố của HĐQT.
- Quyền chuyển nhượng sở hữu cổ phiếu.
- Quyền bỏ phiếu cho các vấn đề có ảnh hưởng đến toàn bộ công ty
- Quyền kiểm tra sổ sách của công ty
- Quyền được chia tài sản khi công ty thanh lý hay giải thể

Mệnh giá của cổ phiếu thường:

Hầu hết các công ty cổ phần ấn định mệnh giá cho mỗi cổ phiếu thường và mệnh giá thường được in trên tờ cổ phiếu. Mệnh giá cổ phiếu không liên quan đến giá thị trường của cổ phiếu đó. Mệnh giá thể hiện tầm quan trọng duy nhất của nó vào thời điểm cổ phần lần đầu tiên được phát hành.

Giá thị trường của cổ phiếu thường

Khi cổ phiếu bán ra công chúng, giá của nó được xác định bởi giá mà các nhà đầu tư mua nó; giá này được coi là giá thị trường hay giá trị thị trường; nó phụ thuộc vào sự tin tưởng của người đầu tư với công ty phát hành.

Trên thực tế, giá thị trường của cổ phiếu không phải do công ty ấn định và cũng không phải do một người nào khác quyết định. Giá thị trường của cổ phiếu được xác định bởi giá thấp nhất mà người bán sẵn sàng bán nó và giá cao nhất mà người mua sẵn sàng mua nó.

b Cổ phiếu ưu đãi

Cổ phiếu ưu đãi cũng thể hiện quyền lợi sở hữu trong một công ty. Nó được gọi là cổ phiếu ưu đãi vì những cổ đông nắm loại cổ phiếu này được hưởng một số

ưu đãi hơn so với những cổ đông thường. Những cổ đông ưu đãi có thể có quyền nhận cổ tức trước cổ đông thường hay có quyền ưu tiên được nhận tài sản trong trường hợp công ty bị giải thể.

Tuy nhiên, không giống với các cổ đông thường, các cổ đông ưu đãi thường không được bỏ phiếu bầu ra HĐQT và quyền hưởng lợi tức cổ phần bị giới hạn theo một số lượng nhất định.

Mệnh giá của cổ phiếu ưu đãi

Giống như cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi có thể có mệnh giá hoặc không có mệnh giá, ở đây mệnh giá cũng có mối liên quan đến giá thị trường. Nếu một cổ phiếu ưu đãi có mệnh giá thì cổ tức sẽ được tính dựa vào mệnh giá đó. Nếu cổ phiếu ưu đãi không có mệnh giá thì cổ tức sẽ được công bố bằng một số đô la nào đó trên mỗi cổ phiếu mà công ty phát hành ấn định.

Các loại cổ phiếu ưu đãi:

Nếu một công ty cổ phần phát hành nhiều sêri cổ phiếu ưu đãi, họ có thể chỉ định một loại là ưu đãi thứ nhất, loại kia là ưu đãi thứ hai. Hoặc họ cũng có thể phân biệt các cổ phiếu ưu đãi thông qua sự ưu tiên của nó đối với việc hưởng lợi tức cổ phần.

Cổ phiếu ưu đãi tham dự và không tham dự chia phần

Cổ phiếu ưu đãi không tham dự chia phần là loại chỉ được hưởng lãi cổ phần ưu đãi ngoài ra không được hưởng thêm bất cứ phần lợi nhuận nào. Ngược lại, cổ phiếu ưu đãi tham dự chia phần thì cổ đông được hưởng một phần lợi tức phụ trội theo quy định khi công ty làm ăn có lãi cao.

Cổ phiếu ưu đãi tích lũy và không tích lũy

Cổ tức trên cổ phiếu ưu đãi cũng có thể được tích lũy hoặc không tích lũy. Một cổ phiếu ưu đãi được tích lũy có nghĩa là nếu cổ tức không được công bố trả trong một năm nào đó thì cổ tức này sẽ được tích lũy hay cộng dồn. Cổ tức gộp này phải được trả trước khi công bố trả cổ tức cho các cổ phiếu thường. Mặt khác, nếu cổ tức không được tích lũy và công ty đã bỏ qua cổ tức của một năm nào đó thì cổ tức đó không phải cộng thêm trước khi cổ tức thanh toán cho những cổ phiếu thường.

Cổ phiếu ưu đãi có thể chuyển đổi

Là loại cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển sang một loại chứng khoán khác của chính công ty đó. Công thức để thực hiện việc chuyển đổi cổ phiếu ưu đãi có thể chuyển đổi sang cổ phiếu thường do công ty quy định tại thời điểm cổ phiếu ưu đãi có thể chuyển đổi được phát hành.

Chứng khoán ngân quỹ:

Vì nhiều lý do, công ty mua về những cổ phần mà họ đã phát hành. Các cổ phần đã được phát hành mà hiện tại do công ty đó sở hữu được gọi là các chứng khoán ngân quỹ, nó không có quyền bỏ phiếu và không được nhận cổ tức.

Chứng khoán trôi nổi:

Là tổng số các chứng khoán đã được phát hành trừ đi số chứng khoán đã được công ty mua lại chứng khoán ngân quỹ. Các chứng khoán trôi nổi có quyền nhận cổ tức và có quyền bỏ phiếu.

1.2.2. Trái phiếu

Đặc điểm của trái phiếu:

Mệnh giá: Trên bề mặt của trái phiếu, thường công bố số tiền mà người phát hành cam kết trả cho người có trái phiếu. Số tiền này gọi là mệnh giá của trái phiếu.

Ngày đáo hạn: Ngày đáo hạn cũng được ghi trên bề mặt trái phiếu. Đây là ngày người phát hành sẽ thanh toán mệnh giá cho người có trái phiếu. Kỳ hạn của trái phiếu rất đa dạng, có thể lên tới 30 năm hay hơn nữa.

Lãi suất: Lãi suất được công bố theo tỷ lệ phần trăm với mệnh giá trái phiếu. Mặc dù lãi suất được tính theo hàng năm nhưng nó được thanh toán nửa năm một lần.

Phân biệt theo tiêu thức người phát hành, có hai loại trái phiếu là trái phiếu công ty và trái phiếu Chính phủ

Trái phiếu công ty

Trái phiếu vô danh

Tên trái chủ của trái phiếu vô danh không được đăng ký tại công ty phát hành. Trái phiếu này được thanh toán cho những ai mang nó, tức là người chủ sở hữu trái phiếu đó. Trái phiếu vô danh có gắn các cuộn phiếu trả lãi, trái chủ xé một cuộn phiếu vào ngày trả lãi và gửi cho đại lý của công ty để thanh toán.

Trái phiếu ghi tên

Tên của trái chủ được đăng ký tại công ty phát hành. Người có trái phiếu này không phải gửi các cuống phiếu cho đại lý thanh toán để nhận phần lãi của mình. Mà thay vào đó, vào ngày đến hạn, người đại lý sẽ tự động gửi cho anh ta một tờ séc trả cho khoản lãi đó.

Trái phiếu có thể thu hồi

Một số công ty có quy định trong trái phiếu một điều khoản cho phép họ mua lại trái phiếu trước khi đến hạn. Thông thường, công ty chấp nhận trả cho người có trái phiếu theo giá gia tăng tức là, lớn hơn mệnh giá của trái phiếu khi công ty muốn mua lại trái phiếu đó.

Trái phiếu có thể chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi cho người sở hữu quyền đổi trái phiếu của anh ta sang một loại chứng khoán nào đó. Chứng khoán này có thể là cổ phiếu ưu đãi hay cổ phiếu thường của công ty phát hành.

Trái phiếu bảo đảm

Cũng như những người đi vay khác, công ty thường đưa ra một thứ có giá trị làm vật bảo đảm cho các khoản vay. Khi công ty thực hiện điều này, ta nói rằng nó đã phát hành một trái phiếu có bảo đảm. Có một số loại trái phiếu bảo đảm chủ yếu là:

Trái phiếu có tài sản cầm cố: một trái phiếu có tài sản cầm cố là việc công ty phát hành thế chấp bất động sản để đảm bảo khả năng thanh toán nợ.

Trái phiếu có tài sản thế chấp: công ty phát hành đưa ra các chứng khoán để chuyển nhượng mà công ty sở hữu của người khác để bảo đảm cho việc phát hành trái phiếu.

Trái phiếu không bảo đảm

Một công ty có khả năng tín dụng cao có thể phát hành trái phiếu chỉ trên uy tín của mình. Những trái phiếu này được gọi là giấy nhận nợ và công ty không phải thế chấp tài sản làm đảm bảo cho nó.

Các chứng khoán nhận nợ do ngân hàng phát hành

Các ngân hàng có thể tham gia thị trường với các công cụ ngắn hạn như:

Chúng chỉ tiền gửi: cung cấp cho ngân hàng các nguồn vốn để thực hiện cho vay ngắn hạn.

Phiếu chấp nhận thanh toán của ngân hàng: được phát hành để tài trợ cho buôn bán quốc tế.

Trái phiếu Chính phủ

Để tài trợ cho chi tiêu ngân sách, các chính phủ có thể phát hành trái phiếu thông qua kho bạc nhà nước. Trái phiếu chính phủ có thể là ngắn hạn, trung và dài hạn.

Kỳ phiếu kho bạc ngắn hạn

Phổ biến nhất là các loại 3 tháng và 6 tháng, các kỳ phiếu ngắn hạn là những công cụ chiết khấu, thường không có mức lãi suất cố định. Các kỳ phiếu ngắn hạn thường được mua bằng một số tiền và người mua sẽ nhận được một số tiền lớn hơn bằng mệnh giá khi đến hạn. Khoản chênh lệch giữa hai số tiền trên gọi là khoản chiết khấu, lãi suất thu được chính là lãi suất chiết khấu

Trái phiếu kho bạc trung và dài hạn

Các trái phiếu kho bạc trung và dài hạn là các công cụ có kỳ hạn dài hơn kỳ phiếu kho bạc. Trái phiếu trung hạn được phát hành với thời gian đáo hạn từ 1 đến 10 năm. Trái phiếu dài hạn được phát hành từ 10 đến 30 năm. Các trái phiếu trung và dài hạn có mức lãi suất cố định và được trả lãi trên cơ sở nửa năm. Những công cụ này được tính toán trên cơ sở 1 năm 365 ngày mà không phải 360 ngày như đối với các kỳ phiếu ngắn hạn và các công cụ khác

Trái phiếu địa phương

Kỳ phiếu địa phương ngắn hạn

Các chính quyền địa phương phát hành những công cụ ngắn hạn để ứng trước nhu cầu về vốn. Những công cụ này được gọi là kỳ phiếu, thường có kỳ hạn 6 tháng hoặc ít hơn. Các kỳ phiếu được phát hành trên cơ sở dự tính trước các khoản thuế gọi là kỳ phiếu ứng trước thuế. Các loại phát hành dựa trên dự tính thu nhập tương lai gọi là kỳ phiếu ứng trước thu nhập. Các kỳ phiếu ứng trước đợi phát hành trái phiếu mới gọi là kỳ phiếu ứng trước cho phát hành trái phiếu.

Trái phiếu địa phương trung và dài hạn

Thường có một số loại sau:

Trái phiếu trách nhiệm chung: được bảo đảm bằng những lực thu thuế của chính quyền địa phương.

Trái phiếu bảo đảm bằng thuế cụ thể: được bảo đảm bằng một loại thuế nhất định của địa phương.

Trái phiếu thu nhập: được bảo đảm bằng thu nhập từ dự án xây dựng bằng tiền bán trái phiếu.

1.2.3 - Chứng quyền và trái quyền:

- Chứng quyền: Chứng quyền là một quyền mua hay đặt mua cổ phiếu mới được phát hành tại một giá xác định thường thấp hơn giá thị trường hiện hành theo tỷ lệ thuận với số cổ phiếu mà họ đang sở hữu. Chứng quyền thường có thời hạn ngắn từ 2 tuần đến 30 ngày. Trong thời gian đó người có chứng quyền có thể sử dụng để mua cổ phiếu mới hoặc bán nó trên thị trường

Thí dụ: Một công ty có 100.000 cổ phần nay muốn phát hành thêm 10.000 cổ phiếu mới. Khi đó tỷ lệ chuyển đổi là 1/10- tức là cứ có 10 cổ phiếu cũ thì được mua 1 cổ phiếu mới.

- Chứng khế: hay trái quyền

Một chứng khế gắn với 1 chứng khoán cho phép người giữ nó được quyền mua cổ phiếu thường theo một giá nhất định. Giá xác định trên chứng khế cao hơn giá thị trường hiện hành của cổ phiếu thường.

Ví dụ: Một công ty A có cổ phiếu thường đang lưu hành với giá 40\$/1 cổ phiếu, chứng khế phát hành cho phép người giữ nó mua cổ phiếu của công ty A Với giá là 60\$/1 cổ phiếu vào bất kỳ thời điểm nào cho đến ngày 31/12/2000. Nếu công ty A đang rất có triển vọng và người ta dự đoán đến năm 2000, giá cổ phiếu của công ty có thể vượt mức 60\$ thì chứng khế sẽ rất hấp dẫn. Bởi vậy, người ta thường sử dụng chứng khế đi kèm với trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi để làm cho việc chào bán lần đầu hấp dẫn hơn.

1.2.4. Các công cụ khác của thị trường chứng khoán Derivatives

- Hợp đồng kỳ hạn: là một hợp đồng tài chính, trong đó hai bên cam kết chắc chắn mua hoặc bán một công cụ tài chính vào một thời điểm trong tương lai với giá được xác định vào thời điểm ký hợp đồng. Người mua hoặc người bán phải gánh chịu rủi ro hoặc mọi khoản lãi tùy thuộc khả năng phân tích đánh giá thị trường

- Hợp đồng lựa chọn: theo hợp đồng lựa chọn, người mua quyền lựa chọn có quyền được thực hiện đó bằng cách trả cho người bán một khoản tiền đặt cược. Đổi lại, người bán phải gánh chịu mọi rủi ro do biến động giá của thị trường gây ra. Còn người mua chỉ chịu rủi ro trong giới hạn đặt cược.

Có hai loại quyền lựa chọn là:

Quyền lựa chọn mua

Quyền lựa chọn bán

2. Phân loại thị trường chứng khoán

Thời gian: 2h

Thị trường chứng khoán là nơi diễn ra các giao dịch, mua bán những sản phẩm tài chính (cổ phiếu, trái phiếu, các khoản vay ngân hàng... có kỳ hạn trên 1 năm). Sau đây là một số cách phân loại TTCK cơ bản:

2.1. Căn cứ vào quá trình lưu thông chứng khoán

Thị trường chứng khoán được chia thành thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp.

- ***Thị trường sơ cấp (Primary Market)***

Thị trường sơ cấp hay còn gọi là thị trường phát hành là thị trường mua bán các chứng khoán mới phát hành ả công chúng, đó có thể là chứng khoán của Chính phủ hay doanh nghiệp. TRừ trái phiếu Chính ph, tất cả các tổ chức kinh tế muốn phát hành chứng khoándều phải đwocj phép của Uỷ ban chứng khoán Nhà nước. Thông thường việc phát hành chứng khoán ra công chúng được sự trợ giúp của các tổ chức tài chính trung gia như công ty chứng khoán, công ty tài chính, ngân hàng thương mại, ngân hàng đầu tư. Trên thị trường này, vốn từ nhà đầu tư sẽ được chuyển sang nhà phát hành thông qua việc nhà đầu tư mua các chứng khoán mới phát hành.

Thị trường này có đặc điểm:

- Là thị trường tạo vốn của đơn vị phát hành. Trên thị trường này các khoản tiền nhàn rỗi của các nhà đầu tư sẽ tập trung về phía đơn vị phát hành và cũng từ đây chứng khoán được phân phối đến tay các nhà đầu tư thứ nhất.

- Làm tăng vốn đầu tư cho nền kinh tế, thật vậy, đứng trên bình diện quốc gia, các nguồn vốn tiết kiệm được chuyển thành các nguồn vốn đầu tư cho sản xuất kinh doanh phát triển kinh tế.

- Tạo ra hàng hoá chứng khoán cho thị trường giao dịch, bởi vì hoạt động huy động vốn của Chính phủ hay các doanh nghiệp trên thị trường sơ cấp đã cung cấp cho thị trường một lượng trái phiếu và cổ phiếu lưu thông trên thị trường.

- Chỉ được tổ chức một lần, việc phát hành chứng khoán được bắt đầu kể từ khi đơn vị phát hành chứng khoán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chào bán chứng khoán ra công chúng và chấm dứt khi toàn bộ số chứng khoán của đợt phát hành đã đến tay các nhà đầu tư thứ nhất.

- ***Thị trường thứ cấp (Secondary Market)***

Còn gọi là thị trường giao dịch hay thị trường lưu hành chứng khoán là hoạt động chuyển nhượng quyền sở hữu chứng khoán từ tay nhà đầu tư có thể mua và bán chứng khoán nhiều lần. Hàng ngày, một khối lượng rất lớn chứng khoán được giao dịch qua các thị trường chứng khoán. Thị trường chứng khoán thứ cấp có đại diện thứ cấp.

- Việc mua bán chứng khoán hoàn toàn không làm tăng hay giảm nguồn vốn cho chủ thể phát hành ra nó. Tuy nhiên, chính hoạt động giao dịch chứng khoán lại xác định giá trị thị trường của công ty phát hành ra chứng khoán đó và ảnh hưởng rất lớn đến giá cả của cổ phiếu ở lần phát hành sau.

- Là một thị trường cạnh tranh tự do, trên thị trường này, các nhà đầu tư, các nhà môi giới, các nhà kinh doanh chứng khoán được tự do tham gia. Mặt khác, giá cả của chứng khoán phản ánh nguyên tắc cạnh tranh và kết quả của quan hệ cung cầu chứng khoán.

- Là một thị trường hoạt động liên tục. Các nhà đầu tư có thể mua và bán chứng khoán nhiều lần trên thị trường này.

- ***Mối liên hệ giữa thị trường thứ cấp và thị trường sơ cấp***

Thị trường sơ cấp là tiền đề cho hoạt động của thị trường thứ cấp bởi vì chính nơi đây đã tạo ra hàng hoá cho thị trường giao dịch.

Ngược lại thị trường thứ cấp tạo động lực cho sự phát triển của thị trường sơ cấp, tạo ra tính thanh khoản cho chứng khoán đó là tính chất dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Các nhà đầu tư nắm giữ các loại chứng khoán thường nhằm vào các cơ hội để bán đi chứng khoán kiếm lời, chính tính thanh khoản đã thu hút các nhà đầu tư đến với thị trường chứng khoán.

2.2. Căn cứ vào loại hàng hoá

Thị trường chứng khoán cũng có thể được phân thành các thị trường: thị trường cổ phiếu, thị trường trái phiếu, thị trường các công cụ chứng khoán phái sinh.

- **Thị trường cổ phiếu:** thị trường cổ phiếu là thị trường giao dịch và mua bán các loại cổ phiếu, bao gồm cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi.
- **Thị trường trái phiếu:** thị trường trái phiếu là thị trường giao dịch và mua bán các trái phiếu đã được phát hành, các trái phiếu này bao gồm các trái phiếu công ty, trái phiếu đô thị và trái phiếu chính phủ.

2.3. Căn cứ trên phương diện pháp lý

Thị trường chứng khoán được phân thành thị trường tập trung (Sở giao dịch chứng khoán) và phi tập trung (thị trường OTC).

Thị trường chứng khoán tập trung là điểm hoạt động chính thức của các giao dịch chứng khoán còn gọi là Sở giao dịch chứng khoán. Đó là nơi các nhà môi giới kinh doanh chứng khoán gặp gỡ để đấu giá thương lượng mua bán chứng khoán cho khách hàng hay cho chính mình theo nguyên tắc và qui chế giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán đề ra trên cơ sở Luật chứng khoán.

Thị trường chứng khoán không tập trung là hoạt động giao dịch chứng khoán không qua Sở giao dịch chứng khoán, mà được thực hiện bởi các công ty chứng khoán thành viên ở rải rác khắp nơi trên đất nước. Phương thức giao dịch thông qua mạng điện thoại và vi tính

2.4. Căn cứ vào phương thức giao dịch

Căn cứ vào phương thức giao dịch của thị trường người ta chia ra làm 2 loại thị trường:

- Thị trường trao ngay (Spot market): là thị trường của những giao dịch chứng khoán mà lệnh của khách hàng được thực hiện ngay căn cứ vào giá cả hiện tại và sẽ được thanh toán vào một ngày gần sau đó.

- Thị trường kỳ hạn hay thị trường tương lai (Future Market) là thị trường của các hợp đồng tương lai và các công cụ dẫn xuất từ chứng khoán. Hợp đồng được ký kết căn cứ vào giá cả hiện tại, nhưng ngay giao dịch thanh toán lại diễn ra một ngày ở tương lai trong kỳ hạn.

3. Thực hành *Thời*
gian: 5h

4. Kiểm tra: *Thời*
gian: 1h

Bài thực hành chương 2:

- Giải thích nội dung các loại cổ phiếu
- Giải thích nội dung các loại trái phiếu
- Giải thích nội dung các công cụ tài chính có nguồn gốc chứng khoán
- Phân biệt các loại thị trường trên thị trường chứng khoán
- Làm các câu hỏi trắc nghiệm về các nội dung trên

CHƯƠNG 3. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN SƠ CẤP VÀ GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN

Nội dung:
TH: 6h)

Thời gian: 12h (LT: 6h,

1. Khái niệm và chức năng thị trường chứng khoán sơ cấp *Thực*
hành: 0.5h

1.1. Khái niệm

1.2. Chức năng

2. Phát hành chứng khoán *Thực*
hành: 1h

2.1. Các tổ chức được phát hành chứng khoán

2.2. Mục đích phát hành chứng khoán

2.2.1. Mục đích phát hành

2.2.2. Những điểm thuận lợi và bất lợi khi phát hành chứng khoán ra công chúng.

a. Những điểm thuận lợi

Phát hành chứng khoán ra công chúng sẽ tạo ra hình ảnh đẹp và sự nổi tiếng của công ty, nhờ vậy công ty sẽ dễ dàng hơn và tốn ít chi phí hơn trong việc huy động vốn qua phát hành trái phiếu, cổ phiếu ở những lần sau. Thêm vào đó, khách hàng và nhà cung ứng của công ty thường cũng sẽ trở thành cổ đông của công ty và do vậy công ty sẽ rất có lợi trong việc mua nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm.

Phát hành chứng khoán ra công chúng sẽ làm tăng giá trị tài sản ròng, giúp công ty có được nguồn vốn lớn và có thể vay vốn của ngân hàng với lãi suất ưu đãi hơn cũng như các điều khoản về tài sản cầm cố sẽ ít phiền hà hơn. Ví dụ như các cổ phiếu của các công ty đại chúng dễ dàng được chấp nhận là tài sản cầm cố cho các khoản vay ngân hàng. Ngoài ra, việc phát hành chứng khoán ra công chúng cũng giúp công ty trở thành một ứng cử viên hấp dẫn hơn đối với các công ty nước ngoài với tư cách làm đối tác liên doanh.

Phát hành chứng khoán ra công chúng giúp công ty có thể thu hút và duy trì đội ngũ nhân viên giỏi bởi vì khi chào bán chứng khoán ra công chúng, công ty bao giờ cũng dành một tỷ lệ chứng khoán nhất định để bán cho nhân viên của mình. Với quyền mua cổ phiếu, nhân viên của công ty sẽ trở thành cổ đông, và được hưởng lãi trên vốn thay vì thu nhập thông thường. Điều này đã làm cho nhân viên của công ty làm việc có hiệu quả hơn và coi sự thành bại của công ty thực sự là thành bại của mình.

Phát hành chứng khoán ra công chúng, công ty có cơ hội tốt để xây dựng một hệ thống quản lý chuyên nghiệp cũng như xây dựng được một chiến lược phát triển rõ ràng. Công ty cũng dễ dàng hơn trong việc tìm người thay thế, nhờ đó mà tạo ra được tính liên tục trong quản lý. Bên cạnh đó, sự hiện diện của các uỷ viên quản trị không trực tiếp tham gia điều hành công ty cũng giúp tăng cường kiểm tra và cân đối trong quản lý và điều hành công ty.

Phát hành chứng khoán ra công chúng làm tăng chất lượng và độ chính xác của các báo cáo của công ty bởi vì các báo cáo của công ty phải được lập theo các tiêu chuẩn chung do cơ quan quản lý qui định. Chính điều này làm cho việc đánh giá và so sánh kết quả hoạt động của công ty được thực hiện dễ dàng và chính xác hơn.

b. Những điểm bất lợi

- Phát hành cổ phiếu ra công chúng làm phân tán quyền sở hữu và có thể làm mất quyền

kiểm soát công ty của các cổ đông sáng lập do hoạt động thôn tính công ty. Bên cạnh đó, cơ cấu về quyền sở hữu của công ty luôn luôn bị biến động do chịu ảnh hưởng của các giao dịch cổ phiếu hàng ngày.

- Chi phí phát hành chứng khoán ra công chúng cao, thường chiếm từ 8-10% khoản vốn huy động, bao gồm các chi phí bảo lãnh phát hành, phí tư vấn pháp luật, chi phí in ấn, phí kiểm toán, chi phí niêm yết... Ngoài ra, hàng năm công ty cũng phải chịu thêm các khoản chi phí phụ như chi phí kiểm toán các báo cáo tài chính ,

chi phí cho việc chuẩn bị tài liệu nộp cho cơ quan quản lý nhà nước về chứng khoán và chi phí công bố thông tin định kỳ.

- Công ty phát hành chứng khoán ra công chúng phải tuân thủ một chế độ công bố thông tin rộng rãi, nghiêm ngặt và chịu sự giám sát chặt chẽ hơn so với các công ty khác. Hơn nữa, việc công bố các thông tin về doanh thu, lợi nhuận, vị trí cạnh tranh, phương thức hoạt động, các hợp đồng nguyên liệu, cũng như nguy cơ bị rò rỉ thông tin mật ra ngoài có thể đưa công ty vào vị trí cạnh tranh bất lợi.

- Đội ngũ cán bộ quản lý công ty phải chịu trách nhiệm lớn hơn trước công chúng. Ngoài ra, do qui định của pháp luật, việc chuyển nhượng vốn cổ phần của họ thường bị hạn chế

2.3. Điều kiện và phương thức phát hành chứng khoán

2.3.1. Điều kiện phát hành chứng khoán

Mỗi nước có những qui định riêng cho việc phát hành chứng khoán lần đầu ra công chúng. Tuy nhiên, để phát hành chứng khoán ra công chúng thông thường tổ chức phát hành phải đảm bảo năm điều kiện cơ bản sau:

- **Về qui mô vốn:** tổ chức phát hành phải đáp ứng được yêu cầu về vốn điều lệ tối thiểu ban đầu, và sau khi phát hành phải đạt được một tỷ lệ phần trăm nhất định về vốn cổ phần do công chúng nắm giữ và số lượng công chúng tham gia.

- **Về tính liên tục của hoạt động sản xuất kinh doanh:** công ty được thành lập và hoạt động trong vòng một thời gian nhất định (thường khoảng từ 3 đến 5 năm).

- **Về đội ngũ quản lý công ty:** công ty phải có đội ngũ quản lý tốt, có đủ năng lực và trình độ quản lý các hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty.

- Về hiệu quả sản xuất kinh doanh: công ty phải làm ăn có lãi với mức lợi nhuận không thấp hơn mức qui định và trong một số năm liên tục nhất định (thường từ 2-3 năm).

- **Về tính khả thi của dự án:** công ty phải có dự án khả thi trong việc sử dụng nguồn vốn huy động được.

Tuy nhiên, các nước đang phát triển thường cho phép một số trường hợp ngoại lệ, tức là có những doanh nghiệp sẽ được miễn giảm một số điều kiện nêu trên, ví dụ: doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công ích, hạ tầng cơ sở có thể được miễn giảm điều kiện về hiệu quả sản xuất kinh doanh. ở Việt Nam, theo qui

định của Nghị định 48/1998/-NĐ-CP về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Thông tư 01/1998/TT-UBCK hướng dẫn Nghị định 48/1998/-NĐ-CP, tổ chức phát hành phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng phải đáp ứng được các điều kiện sau:

- Mức vốn điều lệ tối thiểu là 10 tỷ đồng Việt Nam;
- Hoạt động kinh doanh có lãi trong 2 năm liên tục gần nhất;
- Thành viên Hội đồng quản trị và Giám đốc (Tổng giám đốc) có kinh nghiệm quản lý kinh doanh.
- Có phương án khả thi về việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu.
- Tối thiểu 20% vốn cổ phần của tổ chức phát hành phải được bán cho trên 100 người đầu tư ngoài tổ chức phát hành; trường hợp vốn cổ phần của tổ chức phát hành từ 100 tỷ đồng trở lên thì tỷ lệ tối thiểu này là 15% vốn cổ phần của tổ chức phát hành.
- Cổ đông sáng lập phải nắm giữ ít nhất 20% vốn cổ phần của tổ chức phát hành và phải nắm giữ mức này tối thiểu 3 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
- Trường hợp cổ phiếu phát hành có tổng giá trị theo mệnh giá vượt 10 tỷ đồng thì phải có tổ chức bảo lãnh phát hành.

2.3.2. Phương thức (qui trình) phát hành chứng khoán

Thông thường việc phát hành chứng khoán lần đầu ra công chúng được thực hiện theo các bước sau:

- Tổ chức đại hội cổ đông đề xin ý kiến chấp thuận của đại hội cổ đông về việc phát hành chứng khoán ra công chúng, đồng thời thống nhất mục đích huy động vốn; số lượng vốn cần huy động; chủng loại và số lượng chứng khoán dự định phát hành; cơ cấu vốn phát hành dự tính phân phối cho các đối tượng: Hội đồng quản trị, cổ đông hiện tại, người lao động trong doanh nghiệp, người bên ngoài doanh nghiệp, người nước ngoài...
- Hội đồng quản trị ra quyết định thành lập ban chuẩn bị cho việc xin phép phát hành chứng khoán ra công chúng. Chức năng chủ yếu của ban chuẩn bị là chuẩn bị các hồ sơ xin phép phát hành để nộp lên cơ quan quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán; lựa chọn tổ chức bảo lãnh phát hành (nếu

cần), công ty kiểm toán và tổ chức tư vấn và cùng với các tổ chức này xây dựng phương án phát hành và dự thảo bản cáo bạch để cung cấp cho các nhà đầu tư.

- Ban chuẩn bị lựa chọn người đứng đầu tổ hợp bảo lãnh phát hành. Trong phần lớn các trường hợp phát hành chứng khoán lần đầu ra công chúng, để đảm bảo sự thành công của đợt phát hành thì tổ chức phát hành phải chọn ra được một tổ chức bảo lãnh phát hành. Tổ chức bảo lãnh phát hành với uy tín và mạng lưới rộng lớn của mình sẽ giúp cho việc phân phối chứng khoán của tổ chức phát hành diễn ra một cách suôn sẻ. Chính vì vậy, khi tiến hành phát hành chứng khoán ra công chúng thì việc lựa chọn tổ chức bảo lãnh phát hành có ý nghĩa rất quan trọng, và mang tính quyết định đến sự thành bại của đợt phát hành.

Người đứng đầu tổ hợp bảo lãnh phát hành lựa chọn các thành viên khác của tổ hợp. Trong trường hợp khối lượng chứng khoán phát hành là quá lớn, vượt quá khả năng của một tổ chức bảo lãnh phát hành thì tổ chức bảo lãnh phát hành chính (tổ chức bảo lãnh đã được lựa chọn) sẽ đứng ra lựa chọn các thành viên khác để cùng với mình tiến hành bảo lãnh cho toàn bộ đợt phát hành.

Ban chuẩn bị cùng với tổ hợp bảo lãnh phát hành, công ty kiểm toán và tổ chức tư vấn tiến hành định giá chứng khoán phát hành. Định giá chứng khoán là khâu khó khăn nhất và phức tạp nhất khi tiến hành phát hành chứng khoán ra công chúng. Nếu định giá chứng khoán quá cao thì sẽ khó khăn trong việc bán chứng khoán, còn nếu định giá chứng khoán quá thấp thì sẽ làm thiệt hại cho tổ chức phát hành. Vì thế, việc định giá chứng khoán một cách hợp lý sao cho người mua và người bán đều chấp nhận được là hết sức quan trọng và cần phải được phối hợp của tổ chức bảo lãnh, công ty kiểm toán và tổ chức tư vấn của công ty.

Chính thức thành lập tổ hợp bảo lãnh phát hành và ký hợp đồng bảo lãnh phát hành với tổ chức phát hành.

Công ty kiểm toán xác nhận các báo cáo tài chính trong hồ sơ xin phép phát hành.

Tổ chức phát hành nộp hồ sơ lên Ủy ban chứng khoán. Thông thường tổ chức phát hành sẽ được trả lời về việc cấp hay từ chối cấp giấy phép trong một thời hạn nhất định kể từ ngày nộp hồ sơ xin phép phát hành đầy đủ và hợp lệ. Trong thời gian chờ Ủy ban chứng khoán Nhà nước xem xét hồ sơ, tổ chức phát hành có thể sử dụng nội dung trong bản cáo bạch sơ bộ để thăm dò thị trường.

- Sau khi được cấp phép phát hành, tổ chức phát hành phải ra thông báo phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời công bố ra công chúng bản cáo bạch chính thức và việc thực hiện việc phân phối chứng khoán trong một thời gian nhất định kể từ khi được cấp giấy phép. Thời hạn phân phối được quy định khác nhau đối với mỗi nước. ở Việt nam, theo qui định tại Nghị định 48/Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán thì thời hạn này là 90 ngày, trong trường hợp xét thấy hợp lý và cần thiết, Ủy ban chứng khoán nhà nước có thể gia hạn thêm.

- Tiến hành đăng ký, lưu giữ, chuyển giao và thanh toán chứng khoán sau khi kết thúc đợt phân phối chứng khoán.

Sau khi hoàn thành việc phân phối chứng khoán, tổ chức phát hành cùng với tổ chức bảo lãnh phát hành phải báo cáo kết quả đợt phát hành cho Ủy ban chứng khoán và tiến hành đăng ký vốn với cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp tổ chức phát hành có đủ điều kiện niêm yết thì có thể làm đơn xin niêm yết gửi lên Ủy ban chứng khoán và Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết.

3. Giá cả chứng khoán

Thời

gian: 4.5h

3.1. Mệnh giá?

- Mệnh giá là số tiền ghi trên tờ cổ phiếu hay trái phiếu khi phát hành. Hiện nay, theo quy định: cổ phiếu có mệnh giá là 10.000 đồng, trái phiếu có mệnh giá tối thiểu là 100.000 đồng.

3.2. Thị giá?

- Thị giá là giá thị trường của các loại chứng khoán được mua – bán trên thị trường giao dịch tập trung.

- VD: Mệnh giá của cổ phiếu REE là 10.000 đồng, nhưng giá thị trường hiện tại của cổ phiếu REE và thời điểm ngày 10/01/2003 là 18.700 đồng / Cổ phiếu.

3.3. Giá niêm yết?

- Giá niêm yết là mức giá của cổ phiếu được thực hiện trong phiên giao dịch đầu tiên khi lên niêm yết trên thị trường chứng khoán và được hình thành dựa trên quan hệ cung - cầu trên thị trường.

- VD: Cổ phiếu REE khi lên niêm yết trên thị trường giao dịch tập trung, giá niêm yết được xác định là 16.000 đồng/ cổ phiếu.

3.4. Giá khớp lệnh?

- Giá khớp lệnh là mức giá được xác định từ kết quả khớp lệnh của Trung tâm giao dịch chứng khoán, thoả mãn được tối đa nhu cầu của người mua và người bán chứng khoán.

- VD: Trong phiên giao dịch ngày 10/01/2003, giá khớp lệnh của cổ phiếu REE đạt ở mức giá 18.700 đồng/ cổ phiếu. Tất cả những ai có lệnh mua hoặc lệnh bán được khớp sẽ được mua và bán với giá 18.700 đồng/ cổ phiếu REE.

3.5. Giá đóng cửa?

- Giá đóng cửa là giá thực hiện tại lần khớp lệnh cuối cùng trong ngày giao dịch.

- VD: Giá đóng cửa của cổ phiếu REE trong phiên giao dịch ngày 10/01/2003 chính là mức giá khớp lệnh của cổ phiếu đó là 18.700 đồng / cổ phiếu.

3.6. Giá mở cửa?

- Giá mở cửa là giá đóng cửa của phiên giao dịch hôm trước.

- VD: Giá mở cửa của cổ phiếu REE vào phiên giao dịch ngày 11/01/2003 là 18.700 đồng/cổ phiếu.

3.7. Giá tham chiếu?

- Giá tham chiếu là mức giá làm cơ sở cho việc tính giới hạn dao động giá chứng khoán trong phiên giao dịch.

- Tại thị trường giao dịch tập trung hiện tại ở Việt nam thì giá tham chiếu của một phiên giao dịch là giá đóng cửa của phiên giao dịch hôm trước.

- VD: Giá tham chiếu của cổ phiếu REE vào ngày 21/01/2003 là mức giá đóng cửa của phiên giao dịch ngày 10/01/2003 là 18.700 đồng/ cổ phiếu.

3.8. Biên độ giao động giá?

- Biên độ giao động giá là giới hạn giá chứng khoán có thể biến đổi tối đa trong phiên giao dịch so với giá tham chiếu.

- VD: Giá tham chiếu của cổ phiếu REE ngày 21/01/2003 là 18.700 đồng / cổ phiếu, biên độ giao động giá theo quy định hiện hành đối với tất cả các loại cổ phiếu là +/- 5% tức là giá của cổ phiếu REE thực hiện trong phiên giao dịch chỉ được phép giao động trong khoảng +/- 5% so với giá 18.700 đồng.

3.9. Giá trần ?

- Giá trần là mức giá cao nhất mà một loại chứng khoán có thể được thực hiện

trong phiên giao dịch.

$\text{Giá trần} = \text{Giá tham chiếu} + (\text{Giá tham chiếu} \times \text{Biên độ dao động giá})$

- VD: Giá trần của cổ phiếu REE trong phiên giao dịch ngày 11/01/2003:

$\text{Giá trần} = 18.700 + (18.700 \times 5\%) = 19.600 \text{ đồng.}$

3.10. Giá sàn?

- Giá sàn là mức giá thấp nhất mà một loại chứng khoán có thể được thực hiện trong phiên giao dịch.

$\text{Giá sàn} = \text{Giá tham chiếu} - (\text{Giá tham chiếu} \times \text{Biên độ dao động giá})$

- VD: Giá sàn của cổ phiếu REE trong phiên giao dịch ngày 11/01/2003:

$\text{Giá sàn} = 18.700 - (18.700 \times 5\%) = 17.800 \text{ đồng.}$

3.1. Giá trị thời gian của tiền

3.2. Giá chứng khoán

3.3. Định giá chứng khoán

a. Đấu giá định kỳ và đấu giá liên tục:

Đấu giá định kỳ là hệ thống trong đó các lệnh mua và lệnh bán được tích tụ lại trong một khoảng thời gian nhất định, sau đó mới được ghép với nhau để hình thành một mức giá duy nhất tại điểm có khối lượng mua và bán lớn nhất được thực hiện.

Đấu giá liên tục là hệ thống trong đó các lệnh mua và lệnh bán liên tục được ghép với nhau nếu có thể.

Đấu giá định kỳ có ưu điểm là cho phép hình thành giá cả tốt nhất trên cơ sở khối lượng mua bán lớn được tích tụ lại. Đấu giá định kỳ thích hợp với thị trường có khối lượng giao dịch nhỏ; nó cho phép giảm bớt sự biến động quá mức của giá cả. Tuy nhiên, việc đấu giá liên tục lại thích hợp với thị trường có khối lượng giao dịch lớn. Nó cho phép hình thành giá cả tức thời đáp ứng được những thay đổi thường xuyên về thông tin trên thị trường.

Thông thường các nước có thị trường chứng khoán phát triển đều áp dụng cả phương thức đấu giá định kỳ và đấu giá liên tục. Mỗi ngày giao dịch có thể có 1 hoặc 2 phiên giao dịch (buổi sáng và buổi chiều). Vào đầu giờ phiên giao dịch buổi sáng, người ta xác định giá mở cửa theo phương thức đấu giá định kỳ. Sau đó việc giao dịch được thực hiện theo phương thức đấu giá liên tục. Cuối ngày giao dịch,

người ta lại xác định giá đóng cửa theo phương thức đấu giá định kỳ.

b. Nguyên tắc ghép lệnh

- Giá mua cao hơn giá cơ bản và giá bán thấp hơn giá cơ bản sẽ được thực hiện trước.
- Phân bổ từ bên có khối lượng ít sang bên có khối lượng nhiều.
- Nếu sau khi khớp lệnh có nhiều mức giá cùng thoả mãn thì lấy mức giá gần với giá đóng cửa của ngày hôm trước hay mức giá của ngay phiên giao dịch trước đó.

c. Các nguyên tắc ưu tiên trong việc so khớp lệnh

Nguyên tắc cơ bản đầu tiên được áp dụng là nguyên tắc ưu tiên về giá. Theo nguyên tắc này, các lệnh có giá tốt nhất (chào mua cao nhất và chào bán thấp nhất) được ưu tiên thực hiện trước.

Ngoài nguyên tắc cơ bản trên đây, những nguyên tắc phụ sau đây sẽ được áp dụng:

Nguyên tắc ưu tiên về thời gian: trong những lệnh có cùng mức giá, lệnh nào đến trước sẽ được ưu tiên thực hiện trước.

- Ưu tiên về khách hàng: có hai loại khách hàng là khách hàng cá nhân và khách hàng là nhà đầu tư có tổ chức như công ty chứng khoán, quỹ đầu tư...SGDCK thường áp dụng quy tắc ưu tiên khách hàng là cá nhân trước khách hàng là nhà đầu tư có tổ chức.

- Ưu tiên về khối lượng: lệnh nào có khối lượng lớn hơn sẽ được ưu tiên phân phối trước.

- Ưu tiên ngẫu nhiên : theo nguyên tắc này, người ta chỉ áp dụng ưu tiên về giá. Sau đó các lệnh khi đưa vào hệ thống sẽ được máy tính sắp xếp một cách ngẫu nhiên.

4. Thực hành
gian: 5h

Thời

5. Kiểm tra
gian: 1h

Thời

Bài thực hành chương 3

- Xác định các điều kiện và phương thức phát hành chứng khoán

- Làm các câu hỏi trắc nghiệm về giá cả chứng khoán
- Bài tập thực hành về tính giá chứng khoán và định giá chứng khoán